

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2022

*“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình về xin ly hôn, nuôi con, chia
tài sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Nguyễn Minh Phường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Trúc** và ông **Lê Văn Vững**.

- Thư ký phiên toà: Bà **Hồ Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên toà:
Ông **Võ Trung Hiếu** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 777/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Huỳnh Tấn N**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Tổ 20, ấp 6B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị **Huỳnh Thị S**, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp 3, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh N có mặt; Chị S vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo ý kiến tại đơn khởi kiện, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn anh Huỳnh Tấn N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N và Chị S quen biết nhau và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/4/2013. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn,

thường xuyên xảy ra cãi vã làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Vợ chồng đã ly thân khoảng 04 năm nay và trong thời gian ly thân cuộc sống ai nấy lo. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên nay Anh N yêu cầu được ly hôn với Chị S.

- **Về quan hệ nuôi con:** Vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 22/11/2015 và Huỳnh Thị Như Y, sinh ngày 22/02/2013, hiện đang sống chung với Anh N. Khi ly hôn, Anh N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu Chị S cấp dưỡng nuôi hai con.

- **Về quan hệ tài sản:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về quan hệ nợ:** Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ. Anh N cam kết lời trình bày này của mình nếu sau này có ai kiện đòi nợ anh và Chị S thì anh xin chịu trách nhiệm cùng với Chị S.

Ngoài ra, anh không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn là chị Huỳnh Thị Sa R mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu:

- Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình và Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh N đối với Chị S.

+ Về quan hệ nuôi con: Giao hai con chung tên Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 22/11/2015 và Huỳnh Thị Như Y, sinh ngày 22/02/2013 cho Anh N tiếp tục nuôi dưỡng, Chị S không phải cấp dưỡng nuôi hai con do Anh N không có yêu cầu.

* *Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

- Nguyên đơn nộp các tài liệu, chứng cứ gồm:

+ Căn cước công dân và sổ hộ khẩu (Bản photo);

+ Trích lục kết hôn (Bản sao);

+ Giấy khai sinh hai con chung (Bản photo);

+ Tờ tự khai của Anh N;

+ Văn bản ý kiến con chung;

+ Đơn yêu cầu không hòa giải tại Tòa án.

- Bị đơn không có nộp tài liệu, chứng cứ gì.

** Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập gồm:*

+ Xác nhận của Công an xã H.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 14/10/2022.

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Không.*

** Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất: Toàn bộ vụ án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện của Anh N về việc yêu cầu được ly hôn với Chị S. Ngoài ra, các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”.

[2] Về thẩm quyền, xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp 3, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng, xét thấy:

Theo quyết định hoãn phiên tòa thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Lê Văn V và bà Hồ Thị T. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do bà Thủy bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa được thay thế bằng ông Nguyễn Văn T là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt đồng ý việc thay đổi này, không có thắc mắc hoặc khiếu nại gì. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Chị S mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Chị S.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh N và Chị S do tự quen biết, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2012 và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/4/2013. Quan hệ hôn nhân giữa Anh N và Chị S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thì Anh N và Chị S hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2016 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, Anh N trình bày là do bất đồng quan điểm nên vợ, chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Vợ chồng đã ly thân khoảng 04 năm nay và trong thời gian ly thân cuộc sống ai nấy lo. Xét thấy, Anh N và Chị S đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay, trong thời gian ly thân thì hai bên không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm gì, từ đó cho đến nay cuộc sống của ai thì người đó lo, không

ai chăm sóc cho ai là đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng và tình trạng hôn nhân đã trầm trọng. Đồng thời, Chị S mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì, điều này cho thấy Chị S không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng và tại phiên tòa sơ thẩm thì Anh N cương quyết xin ly hôn với Chị S. Do đó, có đủ cơ sở xác định đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Từ những phân tích trên cho thấy hôn nhân giữa Anh N và Chị S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu xin ly hôn của Anh N là có căn cứ nên chấp nhận.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống Anh N và Chị S có hai con chung tên Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 22/11/2015 và Huỳnh Thị Như Y, sinh ngày 22/02/2013. Xét thấy, từ khi Anh N và Chị S ly thân với nhau cho đến nay thì hai con sống với Anh N tại xã Trường Xuân và hai con vẫn đang được Anh N cho đi học bình thường như bao đứa trẻ khác cùng trang lứa tại địa chỉ trên. Do đó, về môi trường sống và học tập của các con đã ổn định, được chăm sóc chu đáo, được đi học, có sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Đồng thời, tại Tờ tự khai thì hai con đều có nguyện vọng sống với Anh N. Khi ly hôn, Anh N yêu cầu được nuôi hai con là phù hợp với nguyện vọng của hai con, còn Chị S thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì về con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày và yêu cầu của Anh N là có căn cứ nên chấp nhận. Ngoài ra, về phần cấp dưỡng nuôi hai con chung, khi ly hôn Anh N không yêu cầu Chị S cấp dưỡng nuôi hai con và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Chị S thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

Anh N và Chị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về quan hệ tài sản: Anh N trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Chị S thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên có phát sinh tranh chấp về quan hệ tài sản thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

- Về quan hệ nợ: Anh N trình bày không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn Chị S thì không có ý kiến hoặc yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này, giữa hai bên hoặc người thứ ba có phát sinh tranh chấp về quan hệ nợ thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm, đương sự có mặt xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra thì đương sự có mặt không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ gì. Ngoài ra, cũng không còn ai có yêu cầu gì khác.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Anh N về việc yêu cầu được ly hôn với Chị S.

[7] Về ý kiến và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:

- Về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Anh N đối với Chị S.

+ Về quan hệ nuôi con: Giao hai con chung tên Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 22/11/2015 và Huỳnh Thị Như Y, sinh ngày 22/02/2013 cho Anh N tiếp tục nuôi dưỡng, Chị S không phải cấp dưỡng nuôi hai con do Anh N không có yêu cầu.

Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Anh N phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Tấn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Tấn N được ly hôn với chị Huỳnh Thị Sa Ri.

2. Về quan hệ nuôi con:

Anh N được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên Huỳnh Ngọc H, sinh ngày 22/11/2015 và Huỳnh Thị Như Y, sinh ngày 22/02/2013. Đồng thời, Chị S không phải cấp dưỡng nuôi hai con do Anh N không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến

việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về quan hệ tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí: Anh N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Anh N đã nộp theo biên lai số 0007875, ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Anh N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Trường Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án: (Linh).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Phường

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trúc - Lê Văn Vững

Nguyễn Minh Phường

